

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LTA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LTA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LTA TECHNOLOGY AND TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110217686

**3. Ngày thành lập:** 28/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

17/172 Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0523000005

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                     | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                    | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                     | 4652     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                            | 4669     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Ủy thác xuất, nhập khẩu | 8299     |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                  | 6201     |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                    | 6202     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                        | 6209     |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                     | 6311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động thương mại điện tử;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Không bao gồm hoạt động đấu giá);<br>- Cung cấp thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng<br>- Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử. | 6312 |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                | 6399 |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                 | 4690 |
| 14. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                      | 1623 |
| 15. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                          | 1702 |
| 16. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811 |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                     | 1812 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                 | 2220 |
| 19. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                   | 2610 |
| 20. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                    | 2620 |
| 21. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                               | 2630 |
| 22. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                           | 2640 |
| 23. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                               | 2651 |
| 24. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                       | 2670 |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 26. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                              | 4921 |
| 27. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                     | 4922 |
| 28. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4929 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                                                                                                                    | 4932 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 32. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                    | 5011 |
| 33. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                      | 5012 |
| 34. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                        | 5021 |
| 35. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                          | 5022 |
| 36. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                    | 5222 |
| 38. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                      | 5225 |

|     |                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>( Trừ vận tải hàng không)                                      | 5229        |
| 41. | Bưu chính                                                                                                             | 5310        |
| 42. | Chuyển phát                                                                                                           | 5320(Chính) |
| 43. | Xuất bản phần mềm<br>( Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                   | 5820        |
| 44. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                | 4741        |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí) | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VŨ ĐÌNH<br>TUYÊN | Phòng 15A2, Toà<br>CT2C1, Khu<br>ĐTMM Xuân<br>Phương, Phường<br>Xuân Phương,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 102.000       | 1.020.000.000            | 51,000       | 0300840143<br>99                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 102.000       | 1.020.000.000            | 51,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                                      |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | NGUYỄN ĐỨC HỮU | Số nhà 21 ngõ 198 Trần Cung, Tập thể bệnh viện E, Tổ 53, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 | 036052016021 |
|   |                |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Tổng số                   | 80.000 | 800.000.000 | 40,000 |              |
|   |                |                                                                                                                      |                           |        |             |        |              |
| 3 | LÊ THỊ TUYẾN   | Phòng 15A2, Toà CT2C1, Khu ĐTM Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 038187023565 |
|   |                |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                                      | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |              |
|   |                |                                                                                                                      |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ ĐÌNH TUYỀN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/09/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030084014399*

Ngày cấp: *03/04/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 15A2, Toà CT2C1, Khu ĐTM Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 15A2, Toà CT2C1, Khu ĐTM Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*